TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2017/HNGĐ-ST
Ngày 08-9-2017
V/v Không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông K’ Tìm.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Phúc
Bà Lê Thị Chung

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Bá Cường Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng: Bà My La – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh. Xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 03/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2017. Về việc: “Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, số 29/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Ka T, sinh năm 1998.
Địa chỉ: Số AA thôn 3, xã TT, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.
2. Bị đơn: Anh K’N, sinh năm 1993.
Địa chỉ: Số EE, thôn 3,xã TT, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.
(*Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản tự khai, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, chị Ka T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Ka T và anh K’N về chung sống với nhau từ năm 2013 cho đến nay nhưng vẫn chưa đăng ký kết hôn, quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống, anh K’N không lo làm ăn kinh tế gia gia đình, ham chơi, hay tập trung bạn bè nhậu nhẹt, chị Ka T và anh K’N đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Tình cảm giữa chị Ka T và anh K’N không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, chị Ka T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng giữa chị và anh K’N.

Về con chung: Chị Ka T và K'N quá trình chung sống có 01 con chung, tên Ka T, sinh ngày 21-02-2014, hiện nay con khỏe mạnh đang ở với chị Ka T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng, chị Ka T xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh K'N cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung: Chị Ka T và anh K'N không có tài sản chung; Tài sản nợ chung: Không có; Tài sản cho vay chung: Không có. Khi Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Tài liệu chứng cứ là giấy khai sinh của con tên Ka T, sinh ngày 21 tháng 02 năm 2014.

Theo bản tự khai, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, anh K'N trình bày: Anh K'N công nhận lời khai trình bày chị Ka T về thời gian sống với nhau và không đăng ký kết hôn với chị Ka T là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Ka T bỏ về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2016 cho đến nay, nhưng anh K'N vẫn còn tình cảm yêu thương chị Ka T và con, muốn sống trở về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh K'N và chị Ka T quá trình chung sống có 01 con chung, tên Ka T, sinh ngày 21- 02-2014, hiện nay con đang ở với chị Ka T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Ka T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/ tháng, anh K'N không chấp nhận đề nghị Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Không có; Tài sản nợ chung: Không có; Tài sản cho vay chung: Không có. Khi Tòa án giải quyết không công nhận vợ không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận vợ chồng giữa chị Ka T và anh K'N và giao con chúng tên Ka T sinh ngày 21- 02-2014, chị Ka T trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh K'N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Ngoài ra còn đề nghị về phần án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hôn nhân: Chị Ka T và anh K'N về chung sống với nhau từ năm 2013 cho đến nay nhưng vẫn chưa đăng ký kết hôn, quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống, anh K'N không lo làm ăn kinh tế gia gia đình, ham chơi, hay tập trung bạn bè nhậu nhẹt, chị Ka T và anh K'N đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị Ka T xin ly hôn, anh K'N không đồng ý ly hôn, bản thân anh K'N không có biện pháp khắc phục nhằm cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm giữa chị Ka T và anh K'N không thể

hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Ka T và anh K'N không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chung sống với nhau như vợ chồng, hiện nay có mâu thuẫn đã sống ly thân và không còn tình cảm với nhau. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015. Xử không công nhận chị Ka T và anh K'N là vợ chồng là phù hợp.

Về con chung: Chị Ka T và K'N quá trình chung sống có 01 con chung, tên Ka T, sinh ngày 21- 02-2014, khi Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng, chị Ka T xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh K'N cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/ tháng, anh K'N không chịu cấp dưỡng nuôi con. Qua xác minh điều kiện sống của các bên, hiện nay anh K'N đang sống chung với bố mẹ đẻ gia đình đông người, anh K'N chưa có tài sản riêng việc làm không ổn định đang phụ thuộc với gia đình bố mẹ. Đối với chị Ka T đang ở với gia đình bố mẹ đẻ phụ gia đình làm vườn cà phê có thu nhập ổn định. Hiện nay cháu Ka T đang còn nhỏ, nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường, tránh sự đảo lộn trong cuộc sống gây chấn thương về tâm lý của con nhỏ. Căn cứ Điều 15; 81;82;83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015 Tòa án cần xem xét giao con chung tên Ka T, sinh ngày 21- 02-2014 cho chị Ka T trực tiếp nuôi dưỡng, anh K'N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 500.000đ/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 9/2017 là phù hợp.

Về tài sản chung: Chị Ka T và anh K'N không có thỏa thuận về chế độ tài sản; Tài sản nợ chung: Không có; Tài sản cho vay chung: Không có, không có nợ riêng; Tài sản riêng mỗi người đã tự quản lý. Do vậy, Tòa án không đề cập giải quyết về phần tài sản.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 144; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ pháp lệnh và án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chị Ka Thường nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, chị Ka T đã nộp 200.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm theo số biên lai thu tiền số: AA/2015/0004221 ngày 09-01-2017 của Chi cục thi hành án dân sự Di Linh, chị Ka T còn phải nộp 100.000đ án phí dân sự sơ thẩm, anh K'N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con định kỳ là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; khoản 1 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; 81,82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; Căn cứ pháp lệnh và án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Tuyên bố: Không công nhận chị Ka T và anh K'N là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung, tên Ka T, sinh ngày 21- 02-2014 cho chị Ka T trực tiếp nuôi dưỡng, anh K'N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

500.000đ/tháng *(Năm trăm nghìn đồng)*, thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 9/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh K'N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn và thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo Luật Hôn nhân và Gia đình.

" *Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự*".

3.Về án phí: Chị Ka T chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, chị Ka T đã nộp 200.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm theo số biên lai thu tiền số: AA/2015/0004221 ngày 09-01-2017 của Chi cục thi hành án Dân sự Di Linh, chị Ka T còn phải nộp 100.000đ *(Một trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, anh K'N chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

K' Tìm